

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK XANH PÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 190 /BVĐKXP-DƯỢC
V/v Mời chào giá vật tư y tế

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Các Đơn vị kinh doanh vật tư y tế

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Hiện nay, Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn đang có nhu cầu mua sắm vật tư y tế. Để có thể tham khảo giá, làm cơ sở xây dựng giá gói thầu Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn kính mời các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh có khả năng cung ứng chào giá các mặt hàng này (phụ lục I đính kèm).

1. Yêu cầu hồ sơ có các tài liệu sau:

– Đăng ký kinh doanh; Tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế; số điện thoại/Email của đại diện đơn vị báo giá trong trường hợp Bệnh viện cần liên lạc.

– Thư chào giá (theo mẫu phụ lục II đính kèm):

– Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa: Catalog, iso, tiêu chuẩn EC, FDA... (kèm bản dịch sang tiếng Việt nếu là hàng hóa nhập khẩu) được đóng dấu nhà cung cấp.

2. Thời gian nhận báo giá:

Từ ngày ra thông báo đến 17h ngày 12 tháng 02 năm 2025

3. Cách thức tiếp nhận chào giá: Nộp cả bản cứng và bản mềm.

– Bản cứng nộp tại Bộ phận văn thư – phòng Hành chính quản trị - Tòa nhà B1 – Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn - Số 12 Chu Văn An, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

– Bản mềm gửi vào mail: baogiavthcxanhpon@gmail.com.

Mọi thông tin cần liên hệ về báo giá: Khoa Dược – Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn theo số điện thoại 0243 7344383/0904.038.280 để được hỗ trợ.

Rất mong nhận được sự quan tâm của Quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, Dược.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Long

PHỤ LỤC I

Đính kèm công văn số: 30 /BĐKVP- DUOC ngày 22 tháng 6 năm 2025

STT	STT phần	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	1	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, phi cầu, đa tiêu cự, ngâm nước loại I	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, phi cầu, đa tiêu cự. Chất liệu: Hydrophilic Acrylic (ngậm nước). Lọc tia cực tím (UV), nhiều xạ, các bậc nhiều xạ nằm ở vùng trung tâm $\leq 4\text{mm}$. Hàng số $A \leq 118.5$. Chỉ số khúc xạ ≤ 1.46 . Đặc điểm càng: 4 càng cùng chất liệu với vùng quang học, Góc càng $\leq 5^\circ$, Bờ vuông liên tục 360° . Đường kính optic: $6\text{mm} \pm 5\%$, đường kính tổng $11\text{mm} \pm 5\%$. Dải công suất từ 5D đến 35.0D. Từ 5D đến 30.0D bước tăng 0.5D. Từ 30.0D đến 35.0D bước tăng 1.0D. Kích thước vết mờ $\leq 2.2\text{ mm}$. Vùng quang học thiết kế theo công nghệ nhiều xạ kết hợp khúc xạ. Công suất bổ sung: từ +3.0D đến + 3.5D. Thủy tinh thể được lắp sẵn trong dụng cụ đặt (cartridge + injector). Có tối thiểu 1 giấy phép lưu hành tự do (CFS) được cấp bởi một trong các nước thuộc Châu Âu hoặc G7	Cái	200
2	2	Thủy tinh thể nhân tạo đa tiêu cự, ngâm nước loại II	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đa tiêu cự. Chất liệu: Hydrophilic Acrylic (ngậm nước). Phi cầu, nhiều xạ, Lọc tia cực tím (UV), lọc ánh sáng tím, màu vàng. Hàng số $A \leq 118.5$; Chỉ số khúc xạ ≤ 1.46 . Thiết kế 4 càng; Góc càng $\leq 5^\circ$; Bờ vuông liên tục 360° , Có ≥ 12 bậc nhiều xạ với vòng ở giữa có đường kính $\leq 1\text{mm}$, Sử dụng ánh sáng với $\geq 93\%$ hiệu suất năng lượng. Đường kính optic: $6\text{mm} \pm 5\%$, đường kính tổng: $11\text{mm} \pm 5\%$. Dải công suất từ 10.0D đến $\geq 30.0\text{D}$ với bước tăng 0.5D. Công suất bổ sung: ≥ 4 tiêu điểm (từ $\geq +0.8\text{D}$ đến $\leq +3.0\text{D}$). Kích thước vết mờ $\leq 2.2\text{ mm}$. Thủy tinh thể được lắp sẵn trong (cartridge + injector). Có tối thiểu 1 giấy phép lưu hành tự do (CFS) được cấp bởi một trong các nước thuộc Châu Âu hoặc G7	Cái	50
3	3	Dao mổ mắt 15 độ	Lưỡi dao gắn tay cầm, lưỡi dao thẳng góc, chất liệu lưỡi dao làm bằng thép không gỉ. Dao thẳng, góc 15° , hai mặt vát. Tiệt khuẩn, đóng gói vô khuẩn.	Cái	600
4	4	Dao mổ mắt có cán 2.8 mm	Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép không gỉ. Lưỡi dao gắn tay cầm, lưỡi dao tạo góc vát lên, gấp góc với tay cầm. Kích thước phần rộng nhất của lưỡi dao: 2.8mm, độ dày lưỡi dao $\leq 0.14\text{mm}$. Tiệt khuẩn, đóng gói vô khuẩn.	Cái	600
5	5	Chất nhầy dùng trong phẫu thuật mắt	Thành phần: Hydroxy Propyl Methyl Cellulose 2% (Hypromellose 2%). Trọng lượng phân tử tối thiểu 80.000 Dalton. PH nằm trong khoảng từ 6.0 tới 7.8. Không chứa chỉ nhiệt tố (hoặc nội độc tố $< 0.5\text{ EU/ml}$) Đóng gói $\geq 2.0\text{ml}$ dịch nhầy/ống, gói 1 ống kèm kim bơm. Tiệt trùng đảm bảo vô khuẩn.	Ống	600
6	6	Dụng cụ cắt trĩ Longo	Dụng cụ cắt trĩ Longo sử dụng một lần loại 3 hàng ghim. Đường kính ngoài: trong khoảng từ 33mm đến 34mm. Chiều cao ghim 3mm đến 4mm. Số lượng ghim ≥ 48 ghim. Có tối thiểu 1 giấy phép lưu hành tự do (CFS) được cấp bởi một trong các nước thuộc G7	Cái	400
7	7	Dụng cụ định vị lưới thoát vị	Dụng cụ giúp cố định lưới thoát vị. Chất liệu: Titanium, có 28-32 ghim hình xoắn ốc. Đạt tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc FDA (Mỹ)	Cái	80

STT	STT phần	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
8	8	Lưới thoát vị bẹn kích thước 10cm x 15cm	Chất liệu: Polyester hoặc Polypropylen, co giãn đa chiều. Kích thước: $\geq 10\text{cm} \times 15\text{cm}$	Cái	200
9	9	Lưới thoát vị bẹn kích thước 6cm x 11cm	Chất liệu: Polyester hoặc Polypropylen, co giãn đa chiều. Kích thước: $\geq 6\text{cm} \times 11\text{cm}$	Cái	150
10	10	Lưới thoát vị bẹn tự dính kích thước 12cm x 8cm	Chất liệu Polyester hoặc Polypropylen, kích thước $\geq 12\text{cm} \times 8\text{cm}$, có các gai tự dính bằng chất liệu Poly lactic Acid.	Cái	50
11	11	Lưới thoát vị bẹn tự dính kích thước 15cm x 10cm	Chất liệu Polyester hoặc Polypropylen, kích thước $\geq 15\text{cm} \times 10\text{cm}$, đơn sợi, có các gai tự dính bằng chất liệu Poly lactic Acid.	Cái	50
12	12	Lưới thoát vị thành bụng kích thước 20cm x 15cm	Lưới thoát vị thành bụng dùng trong mổ nội soi. Chất liệu Polyester hoặc Polypropylen, có lớp màng collagen chống dính, kích thước $\geq 20\text{cm} \times 15\text{cm}$	Cái	100
13	13	Trocar dùng cho phẫu thuật nội soi các cỡ	Trocar dùng cho phẫu thuật nội soi. Đường kính trong có tối thiểu các cỡ: 5mm, 10mm, 12mm, 15mm. Chiều dài làm việc của các cỡ: 100mm (sai số $\pm 10\%$). Có tối thiểu 1 giấy phép lưu hành tự do (CFS) được cấp bởi một trong các nước thuộc G7	Cái	40
14	14	Clip Titanium kẹp mạch máu	Clip kẹp mạch máu. Chất liệu: Titanium - Hình chữ V. Tương thích với kim kẹp clip cỡ từ 0.6mm đến 1.4mm. - Kẹp được mạch máu các cỡ từ 0.3 mm đến 5 mm. - Clip khi đóng dài: tối thiểu 3 cỡ trong khoảng từ 3.5mm đến 9.0mm - Tối thiểu 3 cỡ khác nhau. Đạt tiêu chuẩn CE	Cái	2.700
15	15	Clip Polymer kẹp máu (Hemolok)	Clip Polymer kẹp mạch máu. Chất liệu: Polymer Có khóa. Kiểu khớp động Có răng tích hợp giúp clip không bị trượt trên mô Kẹp được mạch máu cỡ: từ 3mm đến 16mm. Có các cỡ ML, L, XL Tương thích với kim kẹp clip nội soi: dài 33cm, đường kính 0.5cm và 1cm. Đạt tiêu chuẩn CE.	Cái	12.000
16	16	Catheter lấy huyết khối	Chất liệu bóng: Latex. Có vạch đánh dấu độ sâu. Đường kính catheter có các cỡ : 2F, 3F, 4F, 5F. Dài $\geq 80\text{cm}$. Xuất xứ: thuộc G7	Cái	30

STT	STT phần	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
17	17	Dây đốt laser điều trị tĩnh mạch hiển lớn.	Chiều dài dây: $\geq 2.5m$. Chiều dài đoạn phát laser : trong khoảng từ 3mm đến 5 mm. Tương thích với introducers 6F.	Cái	20
18	18	Đoạn mạch nhân tạo loại thẳng dài 60cm	Cấu trúc hai lớp. Có lớp tấm nhuận ngăn sự thấm máu qua thành mạch ra ngoài, thời gian hấp thu hoàn toàn khoảng 4-8 tuần. Dài $\geq 60cm$. Đường kính nhánh: 2 cỡ trong khoảng từ 7mm đến 9mm	Cái	20
19	19	Mạch máu nhân tạo chữ Y dài 40cm	Cấu trúc hai lớp. Có lớp tấm nhuận ngăn sự thấm máu qua thành mạch ra ngoài, thời gian hấp thu hoàn toàn khoảng 4-8 tuần. Dài ≥ 40 cm. Đường kính thân chung: 2 cỡ trong khoảng từ 15mm đến 19mm, Đường kính nhánh: 2 cỡ trong khoảng từ 7mm đến 9mm	Cái	10
20	20	Bộ dẫn lưu thận qua da ít chi tiết	Ống dẫn lưu qua da ít chi tiết. Sonde được làm bằng chất liệu Polyurethane hoặc Silicon. Một bộ gồm: xống dẫn lưu đầu dạng xoắn phủ Hydrophilic, dao nhỏ, que thông. Kích thước: Có các cỡ 8Fr, 9Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr. Chiều dài: $\geq 35cm$. Thời gian đặt ≥ 30 ngày Xuất xứ: Châu Âu	Bộ	330
21	21	Bộ dẫn lưu qua da nhiều chi tiết	Bộ dẫn lưu qua da nhiều chi tiết. Sonde làm bằng chất liệu Polyurethane hoặc Silicon Thời gian đặt ≥ 30 ngày Bộ dẫn lưu gồm: ống dẫn dịch dài (sonde) $\geq 35cm$ chiều dài sử dụng $\geq 30cm$, chất liệu Polyurethane hoặc Silicon; que đẩy; Kim chọc 18G; Dây dẫn đường đầu hình chữ J, dài ≥ 80 cm, lõi cố định làm bằng thép không gỉ, kích thước từ 0.035"- 0.038". Đầu nối với túi đựng nước tiểu. Dao mổ. Khóa 3 chiều. Có ≥ 4 que nong có cỡ (đường kính) khác nhau, dài $\geq 20cm$, chất liệu nhựa Xuất xứ: Châu Âu	Bộ	200
22	22	Bộ nong thận gồm các cỡ tiêu chuẩn cho PCNL	Bộ cây nong: gồm 5 cây nong có kích thước khác nhau, kích cỡ tăng dần từ 8Fr; 10Fr; 12Fr; 14Fr; 16Fr chất liệu nhựa PP Thân que nong được chia vạch 1cm/ vạch Đóng gói tiệt trùng.	Bộ	20
23	23	Cây nong thận kèm vỏ	- Vỏ bọc thiết kế hai tai dễ dàng bóc tách sau khi sử dụng, đầu bằng, cỡ 18Fr * 18cm - Vật liệu vỏ ngoài được làm bằng PTFE - Cây nong dài 19,5cm, thân làm bằng PP - Thân cây nong và vỏ ngoài được chia vạch Đóng gói tiệt trùng.	Cái	100

STT	STT phần	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
24	24	Kim chọc dò thận	- Kích cỡ: 18G (sai số $\pm 10\%$). - Chiều dài 20cm (sai số $\pm 10\%$). - Đầu kim đa giác. - Vật liệu: Thép không gỉ và Polycarbonate hoặc tương đương.	Cái	20
25	25	Bộ trocar chọc dẫn lưu bàng quang trên xương mu	- Cỡ 4.7mm/14 Charr. - Trocar bằng thép, đầu vát, dễ dàng tách đôi trocar sau khi sử dụng, đường kính 16.8 CH / 5.6mm, chiều dài 12 cm - Độ chính xác phù hợp cao giữa ống thông catheter và trocar tách đôi. - Catheter: trong suốt, với 2 nhánh và 2 mắt, chiều dài catheter là 43 cm. Dung tích bóng của catheter 5-10 ml. - Bộ bao gồm: 1 trocar bằng thép có vỏ bảo vệ, 1 catheter 2 nhánh có bóng 5-10 ml, 1 đầu bịt catheter.	Bộ	120
26	26	Ống thông JJ loại để trong cơ thể 01 tháng	Chất liệu: Polyurethane hoặc tương đương. Gồm: sonde JJ, kẹp clamp, que đẩy, chỉ rút xông. Thời gian đặt lưu trong cơ thể lên tới ≥ 30 ngày. Tối thiểu có các số: 5.0; 6.0; 7.0. Chiều dài 26cm đến 28cm	Cái	2.300
27	27	Ống thông JJ loại để trong cơ thể 12 tháng	Các cỡ 4.7 (hoặc 4.8) 5; 6; 7Fr. Chiều dài 26cm, Phủ hydrophilic. Chất liệu: Silicon hoặc Polyurethane, vạch chia khoảng cách trên thân ống thông JJ Hai đầu mở thông, đầu thôn nhọn Loại đặt trong cơ thể 12 tháng (≥ 360 ngày)	Cái	100
28	28	Điện cực (lưới dao) hình vòng cắt u xơ tiền liệt tuyến, loại đơn cực	Điện cực (lưới dao) hình vòng cắt u xơ tiền liệt tuyến, loại đơn cực, đường kính 5mm. Dùng cho ống soi 30 độ. Loại điện cực đơn cực 1 chân dùng nhiều lần, phù hợp với nhiều loại tay cắt	Cái	130
29	29	Kẹp gấp sỏi	Kẹp gấp sỏi loại dẻo, hàm hoạt động đôi, cỡ 4 Fr, chiều dài 60 cm.	Cái	4
30	30	Rọ bắt sỏi	Rọ bắt sỏi loại 4 cạnh không xoắn, đầu tròn. Chất liệu Nitinol. Đường kính thân rọ: ≤ 2.5 Fr, dài: 120cm. Độ mở rọ: 11mm. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	100
31	31	Thanh nâng ngực	Thanh nâng ngực. Chất liệu bằng thép không gỉ. Thân thanh có khắc chiều dài và đánh dấu chính giữa. Đầu thanh được bo tròn, ở giữa có đục lỗ và 2 cạnh có khía răng cưa. Có tối thiểu 10 cỡ, 18cm (7 inch) $\leq$ chiều dài mỗi cỡ ≤ 36 cm (14.5 inch). Hai cỡ liên tiếp cách nhau ≤ 20 mm. Đóng gói vô trùng. Yêu cầu: cung cấp đầy đủ dữ liệu kèm theo.	Cái	160

STT	STT phần	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
32	32	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng loại 2	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng. Chất liệu: PEKK. Trên thân có điểm đánh dấu căn quang. Độ uốn của miếng ghép là $\geq 5^\circ$. Có 2 loại: thẳng và cong Đối với miếng ghép cong: chiều cao có tối thiểu 4 cỡ trong khoảng từ 8mm đến 11mm. Chiều rộng: trong khoảng từ 10mm đến 15mm. Chiều dài: tối thiểu 3 cỡ trong khoảng từ 30mm đến 35mm. Đối với miếng ghép thẳng: chiều cao có tối thiểu 4 cỡ trong khoảng từ 8mm đến 11mm. Chiều rộng: trong khoảng 10mm đến 15mm. Chiều dài: Có tối thiểu 2 cỡ trong khoảng từ 23mm đến 30mm Xuất xứ: G7	Cái	25
33	33	Keo sinh học	Keo sinh học. Thành phần: 1 lọ chứa Human fibrinogen và human thrombin, 1 lọ bột Thrombin, 1 lọ dung dịch aprotinin $\geq 2\text{ml}$, 1 lọ dung dịch calcium chlorid dihydrate $\geq 2\text{ml}$	Hộp	15
34	34	Kim sinh thiết xương	Kim sinh thiết xương hình chữ T, thân kim bằng thép không gỉ có vạch chia chiều sâu. Tay cầm bằng nhựa, có đầu kết nối với xi lanh hút. Kích thước kim: tối thiểu 2 cỡ trong khoảng từ 8G đến 13G, tương ứng chiều dài nằm trong khoảng từ 80mm đến 150mm. Bộ gồm: Trocar, kim lấy sinh thiết, kim đánh dấu, nắp kim.	Hộp	30
35	35	Kim sinh thiết mô mềm	Kim cấu tạo gồm 3 bộ phận: 01 kim dẫn đường; 01 kim sinh thiết; 01 khóa an toàn. Tay cầm bằng nhựa. Thân kim bằng thép không gỉ, có đánh dấu chiều sâu thâm nhập (mỗi vạch $\leq 1\text{cm}$). Có 2 nấc cho chức năng lấy mẫu: 10mm ≤ 1 nấc $< 20\text{mm}$ và 1 nấc $\geq 20\text{mm}$. Đường kính kim: 16G và 18G. Chiều dài kim: trong khoảng từ 10 đến 15cm. Đóng gói tiệt trùng.	Cái	200
36	36	Kim chọc dò ổ bụng	Kim chọc dò ổ bụng (Angiocath) dài 20cm, cỡ 16G	Cái	100
37	37	Dụng cụ bơm rửa dùng trong phẫu thuật	Hệ thống được sử dụng để tẩy rửa vết thương loại dùng 1 lần, có độ ồn: $\leq 95\text{dB(A)}$ Gồm có: Tay điều khiển, Vòng khóa, Đầu hút ngấn, Đầu hút dài, Nút chuyển đổi tốc độ hút, Khóa kẹp, Đầu cắm nước, Ống thoát nước, Pin.	Bộ	1.000
38	38	Vít chỉ khâu sụn chêm loại 3	Vít chỉ khâu sụn chêm: Gồm: 2 Kim hai thẳng liền chỉ siêu bền số 0. Chiều dài chỉ: $\geq 75\text{cm}$. Chiều dài kim 25cm $\pm 5\text{cm}$	Cái	400
39	39	Bộ khớp háng bán phần không cement loại chuỗi dài, có chốt chống xoay	Vỏ đầu chỏm: Chất liệu: Kim loại. Đường kính: Tối thiểu 9 cỡ trong khoảng từ 38mm đến 54mm. 'Lót đầu chỏm. Chất liệu: Nhựa. 'Chỏm khớp. Chất liệu: Kim loại. Đường kính đầu: Đường kính có tối thiểu 2 cỡ 22mm và 28mm, mỗi đường kính có tối thiểu 3 cỡ chiều dài khác nhau. 'Chuôi khớp. Chất liệu: Kim loại. Kích cỡ chuỗi (Stem Size): có tối thiểu 8 kích cỡ khác nhau. Chiều dài chuỗi: $\geq 190\text{mm}$. Có tối thiểu 2 lỗ chốt đầu xa. 'Vít cố định chuỗi: 2 cái/ bộ. Các chỉ tiết đều có xuất xứ: G7/Úc	Bộ	5

STT	STT phần	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật		Đơn vị	Số lượng
40	40	Bộ dụng cụ đồ xi măng không bóng tạo hình thân đốt măng không bóng tạo hình thân đốt sóng	Bộ dụng cụ đồ xi măng không bóng tạo hình thân đốt sóng gồm: - 01 Bơm áp lực xi măng có kèm bộ trộn. Bộ trộn theo nguyên lý trộn kín, có bi trộn, dây nối có khóa luer lock. - 02 Kim chọc dò mũi vít, tay cầm bằng nhựa, cỡ 13G - 01 gói xi măng dùng trong tạo hình thân đốt sóng, có độ nhớt từ trung bình trở lên. Gồm gói bột (đóng gói vô trùng 2 lớp) $\geq 20g$ và dung môi pha xi măng. Xuất xứ: G7.		Bộ	500
	41	Bộ nẹp khoá đầu trên xương trụ				-
41	41.1	Nẹp khoá đầu trên xương trụ	Nẹp khoá đầu trên xương trụ: loại trái và phải. Chất liệu Titanium hoặc hợp kim Titanium. Đầu trên: ≥ 3 lỗ, tương thích với vít khoá đường kính 3.5mm. Thân nẹp: có tối thiểu 6 cỡ từ 3 lỗ đến 10 lỗ, kết hợp lỗ khóa và lỗ thường, tương thích với vít khoá đường kính 3.5mm và vít xương cứng 3.5mm.		Cái	20
42	41.2	Vít khoá đường kính 3.5mm	Vít khoá đường kính 3.5mm. Chất liệu Titanium hoặc hợp kim Titanium. Chiều dài vít: có tối thiểu 7 cỡ nằm trong khoảng từ 16mm - 34mm. Yêu cầu: cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa.		Cái	140
43	41.3	Vít xương cứng đường kính 3.5 mm	Vít xương cứng đường kính 3.5 mm. Chất liệu Titanium hoặc hợp kim Titanium. chiều dài có tối thiểu 7 cỡ nằm trong khoảng từ 16mm - 34mm. Yêu cầu: cung cấp kèm trợ cụ tương thích với hàng hóa.		Cái	20
	42	Bộ nẹp vít xương sườn				-
44	42.1	Nẹp xương sườn uốn sẵn 16 lỗ	Nẹp xương sườn uốn sẵn, loại 16 lỗ. Chất liệu titanium hoặc hợp kim titanium, thiết kế cho xương sườn. Lỗ bắt vít: có ren chìm trong nẹp. Tương thích với vít khóa đường kính 2,4mm ($\pm 0.1mm$), loại tự khoan. Xuất xứ: G7		Cái	60
45	42.2	Nẹp xương sườn thẳng 8 lỗ	Nẹp xương sườn uốn sẵn, loại 8 lỗ. Chất liệu titanium hoặc hợp kim titanium, thiết kế cho xương sườn. Lỗ bắt vít: có ren chìm trong nẹp. Tương thích với vít khóa đường kính 2.4mm, loại tự khoan. Xuất xứ: G7		Cái	60
46	42.3	Vít xương sườn loại có khóa, tự khoan	Vít xương sườn loại có khóa, tự khoan. Chất liệu titanium hoặc hợp kim titanium. Tương thích với nẹp xương sườn uốn sẵn Đường kính vít 2.4mm ($\pm 0.1mm$) Chiều dài: Trong khoảng từ 9mm đến 12mm. Xuất xứ: G7		Cái	1.100
	43	Bộ dụng cụ khâu cắt nối tự động dùng cho mổ nội soi (loại 1)				-

STT	STT phần	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
47	43.1	Dụng cụ cắt khâu nối mỡ nội soi loại gấp góc (loại 1)	Dụng cụ khâu cắt nối tự động dùng mỡ nội soi. Đầu khớp nối với băng ghim có thể gấp góc $\geq 45^\circ$ độ mỗi bên và trục xoay được 360° . Tương thích các loại băng ghim dài: 45mm, 60mm, loại có 3 hàng ghim mỗi bên. Có tối thiểu 1 giấy phép lưu hành tự do (CFS) được cấp bởi một trong các nước thuộc G7	Cái	65
48	43.2	Băng ghim dùng với dụng cụ cắt khâu nối mỡ nội soi, dài 60mm (loại 1)	Băng ghim cắt khâu dùng cho phẫu thuật nội soi. Chiều dài băng ghim là 60mm. Mỗi bên có ba hàng ghim so le. Chiều cao ghim mờ khác nhau, nằm trong khoảng từ: 3.0mm đến 4.0mm. Chiều cao ghim đóng trong khoảng từ: 1.25mm-2.25mm. Băng ghim tương thích với dụng cụ khâu cắt nối tự động dùng cho mỡ nội soi loại gấp góc (có khả năng gấp góc $\geq 45^\circ$ độ mỗi bên). Có tối thiểu 1 giấy phép lưu hành tự do (CFS) được cấp bởi một trong các nước thuộc G7	Cái	680
49	43.3	Băng ghim dùng cho dụng cụ cắt khâu nối mỡ nội soi, dài 45mm (loại 1)	Băng ghim cắt khâu dùng cho phẫu thuật nội soi. Chiều dài băng ghim là 45mm. Mỗi bên có ba hàng ghim so le. Chiều cao ghim mờ khác nhau, nằm trong khoảng từ: 3.0mm đến 4.0mm. Chiều cao ghim đóng trong khoảng từ: 1.25mm - 2.25mm. Băng ghim tương thích với dụng cụ khâu cắt nối tự động dùng cho mỡ nội soi loại gấp góc (có khả năng gấp góc $\geq 45^\circ$ độ mỗi bên). Có tối thiểu 1 giấy phép lưu hành tự do (CFS) được cấp bởi một trong các nước thuộc G7	Cái	200
50	43.4	Băng ghim dùng cho dụng cụ cắt khâu nối mỡ nội soi, dài 45mm loại 1 (mạch máu)	Băng ghim cắt khâu dùng cho phẫu thuật nội soi. Chiều dài băng ghim là 45mm. Mỗi bên có ba hàng ghim so le. Chiều cao ghim mờ khác nhau, nằm trong khoảng từ: 2.0mm đến 3.0mm. Chiều cao ghim đóng trong khoảng từ: 0.8mm-1.5mm. Băng ghim tương thích với dụng cụ khâu cắt nối tự động dùng cho mỡ nội soi loại gấp góc (có khả năng gấp góc $\geq 45^\circ$ độ mỗi bên). Có tối thiểu 1 giấy phép lưu hành tự do (CFS) được cấp bởi một trong các nước thuộc G7	Cái	20
	44	Bộ dụng cụ khâu cắt nối tự động dùng cho mỡ nội soi (loại 2)			-
51	44.1	Dụng cụ khâu cắt nối tự động dùng cho mỡ nội soi (loại 2)	Dụng cụ khâu cắt nối tự động dùng mỡ nội soi. Trục dài: từ 16cm đến 26cm. Đầu khớp nối với băng ghim có thể gấp góc $\geq 45^\circ$ độ mỗi bên. Trục xoay được 360° . Tương thích các loại băng ghim dài: 45mm, 60mm, loại có 3 hàng ghim mỗi bên. Xuất xứ: G7	Cái	50
52	44.2	Băng ghim dùng với dụng cụ cắt khâu nối mỡ nội soi, dài 60mm (loại 2)	Băng ghim cắt khâu dùng cho phẫu thuật nội soi. Chiều dài băng ghim là 60mm. Mỗi bên có ba hàng ghim so le. Chiều cao ghim mờ khác nhau, nằm trong khoảng từ: 3.0mm đến 4.0mm; Chiều cao ghim đóng là 1.25mm đến 1.75mm. Băng ghim tương thích với dụng cụ khâu cắt nối tự động dùng cho mỡ nội soi loại gấp góc (loại có khả năng gấp góc $\geq 45^\circ$ độ mỗi bên). Băng ghim kèm lưới dao. Xuất xứ: Các nước thuộc G7.		400

STT	STT phân	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
53	44.3	Băng ghim dùng cho dụng cụ cắt khâu nối mỡ nội soi, dài 45mm (loại 2)	Băng ghim cắt khâu dùng cho mỡ nội soi. Chiều dài băng ghim là 45mm. Mỗi bên có ba hàng ghim so le. Chiều cao ghim mỡ khác nhau, nằm trong khoảng từ: 3.0mm đến 4.0mm; Chiều cao ghim đóng là 1.25mm đến 1.75mm. Băng ghim tương thích với dụng cụ khâu cắt nối tự động dùng cho mỡ nội soi loại gấp góc (loại có khả năng gấp góc $\geq 45^\circ$ độ mỗi bên). Băng ghim kèm lưỡi dao. Xuất xứ: G7.	Cái	150
	45	Bộ Dụng cụ khâu cắt nối dùng cho mỡ mỡ			-
54	45.1	Dụng cụ khâu cắt nối dùng cho mỡ mỡ	Dụng cụ khâu cắt nối dùng cho mỡ mỡ: gồm có cỡ 80mm và 60mm. Có sẵn 01 băng ghim trong dụng cụ. Có tối thiểu 1 giấy phép lưu hành tự do (CFS) được cấp bởi một trong các nước thuộc G7	Cái	20
55	45.2	Băng ghim dùng với dụng cụ cắt khâu nối dùng cho khâu nối mỡ mỡ	Băng ghim cắt khâu dùng cho mỡ mỡ, tương thích với dụng cụ khâu cắt nối dùng cho mỡ mỡ cỡ 80mm và 60mm. Chiều cao ghim đập nằm trong khoảng từ 3,5 mm đến 4,5mm. Số lượng ghim trong mỗi băng: băng ghim dùng với dụng cụ cỡ 80mm có ≥ 80 ghim, băng ghim dùng với dụng cụ cỡ 60mm có ≥ 60 ghim. Băng ghim kèm lưỡi dao. Có tối thiểu 1 giấy phép lưu hành tự do (CFS) được cấp bởi một trong các nước thuộc G7	Cái	300
56	46	Dụng cụ khâu nối tròn dùng cho mỡ nội soi (loại 1)	Dụng cụ khâu nối tròn tự động dùng cho mỡ nội soi có 3 hàng ghim so le. Đường kính: có 4 cỡ nằm trong khoảng từ 25mm - 32mm. Chiều cao ghim có ít nhất 2 kích cỡ nằm trong khoảng từ: 3.0mm - 5mm. Xuất xứ: G7.	Cái	50
57	47	Dụng cụ khâu nối tròn dùng cho mỡ nội soi (loại 2)	Dụng cụ khâu nối tròn tự động dùng cho mỡ nội soi có 3 hàng ghim so le. Đường kính: có 4 cỡ nằm trong khoảng từ 25mm - 32mm. Chiều cao ghim có 2 cỡ trong khoảng từ 4.0 mm đến 5.0 mm. Chiều rộng ghim tương ứng 4 cỡ nằm trong khoảng từ 3.0mm đến 4.0mm. Có tối thiểu 1 giấy phép lưu hành tự do (CFS) được cấp bởi một trong các nước thuộc G7	Cái	150
58	48	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu loại dài (Long sheat)	Tối thiểu có 3 cỡ: 6F, 7F, 8F. Loại 8F gồm tối thiểu có 2 cỡ có chiều dài trong khoảng từ 45cm đến 70cm. Loại 6F và 7F gồm tối thiểu 3 cỡ có chiều dài trong khoảng từ 45cm đến 90cm (có 1 cỡ ≥ 90 cm). Phù hợp với dây dẫn tối thiểu có cỡ 0.035".	Cái	30
59	49	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi có van cầm máu bằng Silicone. Bộ dụng cụ bao gồm: 1 sheath-sideport (vỏ bọc bên ngoài), 1 dilator (cây nong), 1 guide wire (đường kính có 2 cỡ 0.035 inch và 0.038 inch) và chiều dài ≥ 45 cm, 1 angiographic needle (kim chụp). Có tối thiểu các cỡ 5F, 6F, 7F, 8F, 9F. Các cỡ 6F, 7F, 8F, 9F có tối thiểu 3 chiều dài trong khoảng từ 10cm đến 25cm Xuất xứ: G7	Cái	15

STT	STT phần	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
60	50	Dây dẫn đường kính 0.035" dài 150 cm thân cứng	Dây dẫn đường kính 0.035" thân cứng (stiff wire) * Cấu tạo: - Lõi là vật liệu Nitinol - Lớp ngoài là Polyurethane. - Lớp tăng tính cân quang - Lớp phủ ái nước * Hình dạng đầu tip: đầu thẳng và đầu cong (như hình minh họa số 1) * Kích thước: - Chiều dài: ≥150 cm - Đường kính: 0.035" * Sản phẩm đạt tiêu chuẩn CE hoặc FDA.	Cái	300
61	51	Dây dẫn đường cho Catheter ái nước dài 150cm (đầu cong, đầu thẳng và thân cứng)	Cấu tạo: - Lõi là hợp kim Nitinol - Lớp ngoài là Polyurethane, lớp tăng tính cân quang. - Lớp phủ ái nước Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong hoặc hình chữ J (Straight, Angled, J-Curve) Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 150 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: ≥3 cm - Đường kính: 0.025", 0.035"	Cái	15
62	52	Dây dẫn đường kính 0.032" và 0.035", dài 150cm	Dây dẫn đường dùng trong niệu quản. Chất liệu: chất liệu TPU, lõi Nitinol chống gấp khúc, có phủ lớp hydrophilic, đoạn đầu trên dài 65mm. Dạng đầu thẳng. Đầu mềm, thân cứng. Đường kính : 0.032" và 0.035", dài 150cm. Gồm: 1 dây dẫn; 01 dụng cụ đẩy; 01 cái ống định vị dẫn đường. Xuất xứ: G7	Cái	200
63	53	Dây dẫn đường cho Catheter	Lớp phủ polymer thân nước Đầu tip cân quang dài ≥3cm, đầu chữ J, thẳng hoặc gấp góc Đường kính: 0.032", 0.035", 0.038". Chiều dài 150cm, 180cm và 260cm. Xuất xứ: G7.	Cái	15

S/TT	S/TT phần	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
64	54	Dây dẫn đường cho Catheter ái nước dài 260cm (đầu cong, đầu thẳng và thân cứng)	Cấu tạo: - Lõi là hợp kim Nitinol - Lớp ngoài là Polyurethane, lớp tăng tính cản quang - Lớp phủ ái nước Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong hoặc hình chữ J (Straight, Angled, J-Curve) Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: ≥ 260 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: ≥ 3 cm - Đường kính: 0.025", 0.035", 0.038"	Cái	15
65	55	Dây dẫn can thiệp mạch ngoại vi ái nước	Chất liệu: hợp kim thép không gỉ, đường kính khoảng 0.018", phủ lớp ái nước ở đầu xa. Đầu tip có thể uốn. Chiều dài: 110cm $\leq$ 1 cỡ $<$ 300cm và 1 cỡ $\geq$ 300cm	Cái	15
66	56	Dây dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên	Dây dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên. Cấu tạo dây dẫn: - Đầu tip: bằng nitinol, đầu cong, dài ≥ 5 cm (0.035"). - Đầu xa: dài ≥ 25 cm, Lõi bằng nitinol, vỏ ngoài bằng polyurethane có lớp cản quang, Kích cỡ: - Đường kính: 0.014"; 0.018"; 0.035" - Chiều dài 3 cỡ: 1 cỡ trong khoảng từ 180cm - 200cm có lớp phủ ái nước ≥ 150 cm; 1 cỡ trong khoảng từ 250cm - 260cm có lớp phủ ái nước ≥ 230 cm và 1 cỡ dài ≥ 300 cm có lớp phủ ái nước ≥ 270 cm	Cái	15
67	57	Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc	- Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel - Tương thích dây dẫn đường kính 0.035" - Đường kính bóng tối thiểu 5 cỡ trong khoảng từ 5mm đến 9.0mm (bắt buộc có cỡ 7.0mm) - Chiều dài bóng tối thiểu 5 cỡ trong khoảng từ 40mm đến 150mm - Đạt tiêu chuẩn: FDA và CE	Cái	10
68	58	Bóng nong mạch chi áp lực cao	- Bóng nong động mạch ngoại biên áp lực cao có ống thông bằng lõi kép - Tương thích với dây dẫn đường kính 0.035" và hệ thống (sheat và dụng cụ mở đường) 6F và 7F - Áp lực vỡ bóng: trong khoảng từ 10 đến 25 atm - Đường kính bóng: tối thiểu có 5 cỡ trong khoảng từ 5.0mm đến 9.0mm - Chiều dài bóng tối thiểu 3 cỡ trong khoảng từ 40mm đến 100mm - Xuất xứ: G7	Cái	15

STT	STT phần	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
69	59	Bóng nong mạch máu ngoại biên tương thích dây dẫn 0.035"	- Bóng nong mạch ngoại biên có ống thông lõi kép - Tương thích dây dẫn 0.035" - Đường kính bóng tối thiểu có 5 cỡ trong khoảng từ 5.0mm đến 9.0mm - Chiều dài bóng tối thiểu có 8 cỡ trong khoảng từ 40mm đến 200mm - Đạt tiêu chuẩn FDA và CE	Cái	12
70	60	Ống thông can thiệp ngoại vi	- Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch máu ngoại biên. Đường kính: 0.014", 0.018", 0.035", - Chiều dài tối thiểu 4 cỡ trong khoảng từ 60cm đến 150cm - Có 2 loại: đầu thẳng và cong - Đạt tiêu chuẩn: FDA hoặc CE	Cái	10
71	61	Bộ Stent graft cho động mạch chủ bụng	Hệ thống đưa stent phủ lớp ái nước hydrophilic, đường kính ngoài 4 cỡ trong khoảng từ 14F - 20F. Đầu gần có cấu tạo chống gấp gãy, hạn chế sự gấp nếp. Chân ghim trên bare stent (stent trần) giúp cố định stent trong lòng mạch. Đầu gần có ≥ 4 marker trong đó có 1 marker giúp xác định hướng trước - sau của stent. Đường kính đầu gần của Stent thân chính có 5 cỡ trong khoảng từ 20mm - 40mm. Đường kính của thân miếng nối dài (miếng phụ): có tối thiểu 10 cỡ trong khoảng từ 10mm - 40mm. Chiều dài của miếng nối dài : 7 cỡ trong khoảng từ 45mm-200mm. Chất liệu: Stent: Nitinol, Graft: Polyester đa sợi, chỉ khâu: polyethylene . Đạt tiêu chuẩn: CE và FDA Cam kết cung cấp miếng nối dài (miếng phụ) kèm với số lượng tùy thuộc từng ca mổ.	Bộ	5
72	62	Bộ Stent graft cho động mạch chủ ngực	Đầu gần có ≥ 8 đỉnh stent trần không có lớp phủ, stent trần dài 12mm (± 1mm) giúp stent bám chắc. Các mắt stent thân chính cấu tạo hình Sin. Có ≥ 4 marker chất liệu platinum iridium ở đầu gần và ở giữa thân stent, ≥ 2 marker ở đầu xa Hệ thống dẫn stent phủ hydrophilic, stent tự bung. Kích cỡ: Đường kính của Stent có 13 cỡ trong khoảng từ 20mm đến 46mm, chiều dài Stent: 100mm, 150mm và 200mm ($\pm 10\%$) Chất liệu: Stent: Nitinol; Graft: Polyester. Đạt tiêu chuẩn : CE, FDA Cam kết cung cấp miếng nối dài (miếng phụ) kèm với số lượng tùy thuộc từng ca mổ.	Bộ	5

PHỤ LỤC II
BẢNG CHÀO GIÁ

(Theo công văn số: 130 /BĐKXP-DUOC ngày 04 tháng 04 năm 2025)

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn

Công ty..... xin kính gửi Quý bệnh viện bảng chào giá như sau:

STT theo phụ lục I	Mã HS (4 chữ số đầu)	Tên hàng hóa	Ký hiệu, mã hiệu	Hãng SX/ nước SX	Xuất xứ	Tính năng, thông số kỹ thuật	Phân loại trang thiết bị	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Thuế GTGT (VAT) %	Đơn giá (sau thuế)	Thành tiền (sau thuế)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
													(15) = (12)x(14)
Điền theo STT tại phụ lục I theo mời báo giá	Ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế	Điền theo tên hàng hoá tại phụ lục I theo mời báo giá	Điền cụ thể tên thương mại và ký hiệu/ model của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột (4)	Điền cụ thể hãng, nước sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột (4)	Điền cụ thể xuất xứ của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột (4)	Điền cụ thể tính năng, thông số kỹ thuật của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột (4)	Điền cụ thể loại A, B, C hay D theo bản phân loại trang thiết bị y tế	Điền cụ thể quy cách đóng gói	Điền cụ thể đơn vị tính	Điền số lượng theo phụ lục I theo mời báo giá	Điền cụ thể tỉ lệ phần trăm thuế VAT	Điền cụ thể giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế	Điền cụ thể giá trị thuế giá trị gia tăng
...													

Chúng tôi cam kết:

- Đơn giá hàng hóa (sau thuế) trong báo giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, thuế VAT, chi phí cung cấp trang thiết bị hỗ trợ để sử dụng trang thiết bị y tế/hóa chất mà mình trúng thầu (nếu có) và các loại thuế liên quan khác theo quy định hiện hành
 - Địa điểm giao hàng: khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn, 12 Chu Văn An, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
 - Thời gian hiệu lực của báo giá: ≥150 ngày kể từ ngày .../.../2025
 - Đơn giá của hàng hóa tại bảng báo giá này đảm bảo phù hợp theo quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP, Nghị định 07/2023/NĐ-CP và quy định pháp luật hiện hành.
 - Việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.
- Chúng tôi cam kết những thông tin trên là hoàn toàn chính xác, nếu sai công ty chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp nhà cung cấp,
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))